

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08-9-2020

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Chuông

2. Ông Bùi Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 188/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2020, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02 ngày 14/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1994; nơi ĐKKHTT: KDC Vũ Xá, phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Tổ 2 Gia Lạc, Quang Minh, Mê Linh, thành phố Hà Nội. Chị Y có mặt.**

2. Bị đơn: **Anh Phạm Đoàn H, sinh năm 1993; địa chỉ: KDC Vũ Xá, phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Anh H có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/5/2020, các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn - chị Hoàng Thị Hải Y trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đoàn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thất Hùng, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương ngày 30/10/2014. Sau khi kết hôn chị chung sống cùng anh H, có thời gian thì ở nhà mẹ chồng, có thời gian hai vợ chồng thuê nhà ở Hà

Nội đi làm ăn, chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình ngày càng không hợp, anh H chơi bời, nợ nần còn sử dụng ma túy đá nên thường xuyên xảy ra cãi vã, có lần đánh chị phải nhập viện. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng căng thẳng, đến cuối năm 2019 chị phải về nhà để ở Nghệ An sinh sống, khi đó chị đưa cả 2 con theo. Ngay sau khi chị về Nghệ An, anh H thuê xe vào đón con lớn ra sau đó khoảng 2 tháng (vào tết dương lịch 01/01/2020) thì anh H vào bắt con thứ 2 về phường Thát Hùng ở cùng bà nội, còn anh H thường xuyên đi lái xe. Kể từ khi ly thân, chị đã nhiều lần về thăm con, tuy nhiên mẹ chồng tuyên bố không cho vào thăm nên chị chỉ thăm được con lớn ở trường. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H.

- *Về con chung*: Chị và anh H có 02 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 22/01/2016 và Phạm Hoàng Minh D, sinh ngày 05/8/2018. Cả hai cháu đang ở cùng anh H và bà nội tại phường Thát Hùng. Sau ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi cháu H, để anh H nuôi cháu D. Giữa chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị đang làm công nhân Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu - Khu Công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội, mức lương ăn theo sản phẩm, bình quân ở thời điểm không có dịch COVID-19 khoảng 7 đến hơn 10 triệu đồng/tháng. Hiện chị thuê nhà tại Tổ 2 Gia Lạc, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ, anh Phạm Đoàn H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn, nơi sinh sống sau khi kết hôn như nội dung chị Y trình bày trên. Theo anh, mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị Y nhấn tin với người đàn ông khác, ngoài ra còn mâu thuẫn nhỏ giữa mẹ chồng nàng dâu, anh đã 3 lần khuyên giải nhưng chị Y không thay đổi, dẫn đến vợ chồng có lần xô xát. Cuối năm 2019 thì chị Y tự ý về nhà để ở Nghệ An sinh sống, đưa cả 2 con đi cùng, anh đã phải thuê xe vào đón con lớn ra sau đó khoảng 2 tháng anh vào đón con thứ 2 về Thát Hùng ở cùng bà nội. Kể từ khi ly thân, chị Y được một lần về thăm con, hiện chị Y ở đâu anh không nắm được. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn với chị Y.

- *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu H và cháu D như chị Y trình bày là đúng. Cả hai con đang ở cùng anh và bà nội (bà Lã Thị H, sinh năm 1974) ở phường Thát Hùng. Sau ly hôn, anh xin trực tiếp nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng. Anh làm lái xe chở bê tông của Công ty TNHH Bảo Khang Trường An, mức lương bình quân hơn 10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi cả 2 con mà không cần chị Y cấp dưỡng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Mẹ đẻ anh H – bà Lã Thị H trình bày*: Về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn như nội dung chị Y trình bày trên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Y, anh H có thời gian sống tại nhà bà, có thời gian thuê nhà sống cùng nhau trên Hà Nội, cuối năm 2018 thì lại về sinh sống cùng bà. Quá trình vợ chồng chị Y, anh H chung sống bà thấy vợ chồng có giận dỗi và chị Y bỏ về quê Nghệ An sinh sống. Cũng nhiều lần chị Y có lời lẽ không tôn trọng bà, từ khi chị Y ly thân đến nay được một lần điện thoại và một lần đến thăm con. Ngoài ra chị Y không quan tâm đến con. Việc chị Y xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Cả hai cháu H và Duy đang ở cùng anh H và bà, bà đề nghị Tòa án giao cả 2 con chung cho anh H nuôi. Nếu anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho anh H và các cháu về chỗ ở, nơi sinh hoạt, cũng như chăm sóc các cháu giúp anh H.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn xác định không thể thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Nguyên đơn – chị Y giữ nguyên quan điểm ly hôn, thay đổi quan điểm về nuôi con, cụ thể chị yêu cầu được nuôi một con chung.

- Bị đơn – anh H vẫn giữ nguyên quan điểm nhất ly hôn với chị Y, không nhất trí để chị Y trực tiếp nuôi con vì anh lo khi chị Y đi làm không ai chăm con, mặt khác điều kiện nuôi con của chị Y không bằng anh và nếu chị Y đi bước nữa sẽ không có người chăm sóc con. Do đó, anh xin trực tiếp nuôi cả con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn về cơ bản chấp hành đúng nghĩa vụ, tuy nhiên anh vắng mặt tại buổi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa các bên thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án xử Công nhận sự thuận thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hải Y và anh Phạm Đoàn H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Y, đề nghị giao cháu Phạm Hoàng Minh D, sinh ngày 05/8/2018 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thị H, sinh ngày 22/01/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Y và anh H theo quy định tại Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về tài sản, nợ

chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh H có nơi cư trú tại thị xã Kinh Môn, nên yêu cầu Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị Hải Y và anh Phạm Đoàn H được tự do tìm hiểu; đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa có đủ cơ sở để xác định: Cuộc sống vợ chồng chị Y, anh H từ năm 2019 thường xuyên mâu thuẫn, mỗi người khai nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau nhưng thực tế vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau và cuối năm 2019 mỗi người sống một nơi, không quan tâm yêu thương nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, không tôn trọng, quan tâm giúp đỡ nhau. Vậy là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị Y, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Y và anh H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung:* Nguyên vọng của anh H, chị Y được trực tiếp nuôi con chung sau khi vợ chồng ly hôn là có căn cứ pháp luật. Anh H không muốn để chị Y nuôi con chung vì lo chị Y thuê nhà, hàng ngày đi làm hoặc chị Y đi lấy chồng sẽ không ai chăm con; anh thì có điều kiện hơn cả về thu nhập, chỗ ở và được bà nội là Lã Thị H chăm sóc khi anh đi làm. Xét lý do anh H đưa ra không phải là căn cứ pháp luật để hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Mặt khác, chị Y có chỗ ở, có công việc và thu nhập đảm bảo, đủ điều kiện nuôi con. Do cháu Phạm Hoàng Minh D, sinh ngày 05/8/2018, chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị Y, giao cháu Phạm Thị H, sinh ngày 22/01/2016 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Y và anh H đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng là tự nguyện nên cần chấp nhận theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Y, anh H đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Yến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị Y, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Hải Y.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị Hải Y và anh Phạm Đoàn H.

1.2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng Minh D, sinh ngày 05/8/2018 cho chị Hoàng Thị Hải Y; giao con chung Phạm Thị H, sinh ngày 22/01/2016 cho anh Phạm Đoàn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Y và anh H không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Hải Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2017/0008171 ngày 26/6/2020, chị Y đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND P. Thất Hùng, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đào Văn Phúc